

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN DU LỊCH NINH VÂN BAY
Phòng 705 Tòa nhà TungShing Square số 2 phố Ngô Quyền, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN DU LỊCH NINH VÂN BAY
Quý III Năm 2010

Hà Nội, tháng 10 năm 2010



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Quý 3 năm 2010

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2010	30/06/2010
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		91,399,268,176	119,438,193,880
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	712,938,940	40,022,313,580
1. Tiền	111		712,938,940	11,942,202,469
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	28,080,111,111
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	5,700,000,000	3,000,000,000
1. Đầu tư tài chính ngắn hạn	121		5,700,000,000	3,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		82,495,288,138	75,217,134,328
1. Phải thu của khách hàng	131		456,000,000	765,738,525
2. Trả trước cho người bán	132		208,835,000	828,806,022
3. Phải thu nội bộ	133		8,684,043,032	476,179,675
4. Các khoản phải thu khác	135	6	73,146,410,106	73,146,410,106
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,491,041,097	1,198,745,972
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		456,700,866	593,602,222
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		708,230,069	164,741,394
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		14,160,512	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	1,311,949,651	440,402,356
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		623,044,856,949	593,231,882,853
I. Tài sản cố định	220		1,822,040,830	1,921,340,359
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	1,750,272,140	1,841,597,370
1.1. Nguyên giá	222		2,095,754,794	2,080,497,158
1.2. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(345,482,654)	(238,899,788)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	71,768,690	79,742,989
2.1. Nguyên giá	228		95,691,587	95,691,587
2.2. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(23,922,897)	(15,948,598)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	619,539,814,994	589,539,814,994
1. Đầu tư vào công ty con	251		586,694,690,000	509,194,690,000
2. Đầu tư vào các cty liên kết liên doanh	252		-	50,500,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		32,845,124,994	29,845,124,994
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1,683,001,125	1,770,727,500
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	964,990,125	1,052,716,500
2. Ký quỹ , kỹ cược dài hạn	263		718,011,000	718,011,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		714,444,125,125	712,670,076,733

101.000.747

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2010	30/06/2010
NGUỒN VỐN				
A- NỢ PHẢI THU	300		2,894,089,348	2,187,943,732
I. Nợ ngắn hạn	310		2,894,089,348	2,187,943,732
1. Vay ngắn hạn	311	15	1,015,500,000	-
2. Phải trả cho người bán	312		-	-
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	6,842,908	1,287,783,732
5. Phải trả người lao động	315		-	112,000,000
6. Chi phí phải trả	316	13	838,160,000	788,160,000
7. Các khoản phải trả nội bộ	317	16	1,033,586,440	-
8. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	318		-	-
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	319		-	-
B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	14	711,550,035,777	710,482,133,001
I. Vốn chủ sở hữu	410		711,550,035,777	710,482,133,001
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		605,000,000,000	605,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		99,455,000,000	99,455,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415		-	-
6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	416		-	-
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7,095,035,777	6,027,133,001
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		714,444,125,125	712,670,076,733

Kế toán trưởng



Ngô Thị Thanh Hải

Ngày 22 tháng 10 năm 2010

Tổng Giám đốc



Vũ Ngọc Tú

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH RIÊNG CHO NIÊN ĐỘ
 (Quý 3 năm 2010)

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý		Lũy kế năm	
		Từ 1/7/2010 đến 30/9/2010	Từ 1/7/2009 đến 30/9/2009	Từ 1/1/2010 đến 30/9/2010	Từ 1/1/2009 đến 30/9/2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.1	510,000,000	44,032,390,821	1,594,090,909	44,414,320,931
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	15.1				
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	15.1	510,000,000	44,032,390,821	1,594,090,909	44,414,320,931
4. Giá vốn hàng bán	16	-	43,568,135,656	-	43,966,619,884
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV		510,000,000	464,255,165	1,594,090,909	447,701,047
6. Doanh thu hoạt động tài chính	15.2	2,876,687,990	226,489,768	6,381,655,884	226,630,058
7. Chi phí tài chính	17	15,807,998		56,551,839	
- Trong đó : Chi phí lãi vay		10,410,960		30,150,183	
8. Chi phí bán hàng		-		-	
9. Chi phí quản lý kinh doanh		2,302,977,216	160,365,872	6,700,495,102	299,988,062
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24)		1,067,902,776	530,379,061	1,218,699,852	374,343,043
11. Thu nhập khác		-	215,000	-	215,000
12. Chi phí khác		-		-	
13. Lợi nhuận khác		-	215,000	-	215,000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1,067,902,776	530,594,061	1,218,699,852	374,558,043
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1,067,902,776	530,594,061	1,218,699,852	374,558,043

Kế toán trưởng

Ngô Thị Thanh Hải

Ngày 22 tháng 10 năm 2010

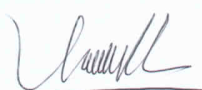
Tổng giám đốc

Vũ Ngọc Tú

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Quý III năm 2010

Mã số	Chỉ tiêu	Cho giai đoạn	Cho giai đoạn
		01/07/2010 đến 30/9/2010	01/07/2009 đến 30/9/2009
I	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KD		
1	Lợi nhuận (Lỗ) trước thuế <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>	1,067,902,776	530,594,061
2	Khấu hao tài sản cố định	114,557,164	-
3	Các khoản dự phòng	-	(93,000,000)
4	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-
5	Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	2,876,687,990	-
6	Chi phí lãi vay	10,410,960	-
8	Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	4,069,558,891	437,594,061
9	Tăng giảm các khoản phải thu	(7,835,802,997)	(38,053,102,379)
10	Tăng giảm hàng tồn kho	-	(37,783,122,015)
	Tăng giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	869,074,404	81,364,297,664
12	Tăng, giảm chi phí trả trước	224,627,732	(22,189,999)
13	Tiền lãi vay đã trả	(15,808,015)	-
14	Thuế TNDN đã nộp	(1,173,031,733)	-
15	Tiền thu từ các hoạt động khác	(871,547,295)	-
16	Tiền chi cho các hoạt động khác	-	(4,394,727,518)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	(4,732,929,013)	1,548,749,814
II	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	(15,257,636)	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	(2,700,000,000)	-
	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	-	600,000,000
24	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	(30,000,000,000)	(17,200,000,000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	-	-
28	Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	(2,876,687,990)	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(35,591,945,626)	(16,600,000,000)
III	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của các chủ sở hữu	-	20,115,980,000
31	Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	-
32	Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	1,015,500,000	-
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	-	-
35	Tiền chi trả nợ thuế tài chính	-	(500,000,000)
36	Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	1,015,500,000	19,615,980,000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(39,309,374,640)	4,564,729,814
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	40,022,313,580	836,085,799
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	712,938,940	5,400,815,613

Kế toán trưởng



Ngô Thị Thanh Hải

Ngày 22 tháng 10 năm 2010

Tổng Giám đốc



Vũ Ngọc Tú

Thuyết minh báo cáo tài chính

Quý 3 năm 2010

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay ("Công ty") được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Phong, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013874 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 26 tháng 9 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số

103013874	Ngày 3 tháng 8 năm 2009
103013874	Ngày 27 tháng 8 năm 2009
103013874	Ngày 28 tháng 9 năm 2009
103013874	Ngày 2 tháng 12 năm 2009
102051941	Ngày 12 tháng 2 năm 2010
102051941	Ngày 24 tháng 5 năm 2010

Ngày 28 tháng 4 năm 2010, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã chính thức chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay với mã cổ phiếu NVT theo công văn số 85/QĐ-SGDHCM. Ngày 7 tháng 5 năm 2010, 50.500.000 cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết và bắt đầu phiên giao dịch đầu tiên tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 20 tháng 7 năm 2010 Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh đã chấp thuận cho công ty CP Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay niêm yết bổ sung 10.000.000 cổ phiếu nâng tổng số cổ phiếu niêm yết của Công ty CP BDS Du lịch Ninh Vân Bay lên 60.500.000 cổ phiếu.

Hoạt động chính của công ty và các công ty con

- Kinh doanh bất động sản.
- Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát: karaoke, vũ trường);
- Tư vấn bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất), xúc tiến đầu tư thương mại;
- Dịch vụ quản lý bất động sản
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;

CÔNG TY CÓ CÁC CÔNG TY CON CHÍNH SAU:

Công ty TNHH Hai Dung (Công ty Hai Dung)

Công ty Hai Dung được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên số 3600805594 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 10 tháng 4 năm 2006. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2010, Công ty nắm 90% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải (Công ty Hồng Hải)

Công ty Hồng Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4200686538 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 13 tháng 12 năm 2008. Tại ngày 30 tháng 09 năm 2010, Công ty nắm 51% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này

Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú (Công ty Tân Phú)

Công ty Tân Phú được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 103025527 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà nội cấp ngày 25 tháng 06 năm 2008. Từ ngày 22 tháng 07 năm 2010, Công ty nắm 51% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này

Công ty TNHH Một thành viên Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay.

Công ty TNHH Một thành viên Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0310273430 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 08 năm 2010. Công ty nắm 100% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

2 CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi sổ kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực kế toán và hệ thống áp dụng

Các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành nói chung và chuẩn mực số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ nói riêng và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự mà Công ty không thể thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 -20 năm
Máy móc thiết bị	6 - 8 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Trang thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Quyền sử dụng mặt đất mặt biển	33 - 45 năm
Quyền sử dụng đất	33 - 45 năm
Tài sản vô hình khác	3 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

3.6 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.8 Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.9 Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của công ty (VND/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính trừ trường hợp các khoản chênh lệch này được vốn hóa như được trình bày trong các đoạn dưới đây. Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản tài sản, công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ vào ngày lập bảng cân đối kế toán được phản ánh ở tài khoản "Chênh lệch tỷ giá" trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo.

Tất cả lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ vào ngày lập bảng cân đối kế toán được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, nếu việc ghi nhận này dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của công ty bị lỗ, phần lỗ chênh lệch tỷ giá vượt quá lợi nhuận trước thuế và trước lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản công nợ tiền tệ dài hạn sẽ được phản ánh ở tài khoản "Chênh lệch tỷ giá" trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong vòng 5 năm tiếp theo. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính ít nhất phải bằng lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn phải trả vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho giai đoạn hiện hành và các giai đoạn trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các Tập đoàn con, Tập đoàn liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành trên cơ sở thuần.

	30/9/2010	30/6/2010
4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN		
* Tiền mặt	94,347,297	86,269,872
* Tiền gửi ngân hàng	618,591,644	11,855,932,597
* Các khoản tương đương tiền	-	28,080,111,111
Cộng	712,938,940	40,022,313,580
*Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng.		
5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN		
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (thời gian 3 tháng)	5,000,000,000	
Đầu tư tài chính ngắn hạn khác	700,000,000	3,000,000,000
Cộng	5,700,000,000	3,000,000,000
6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC		
<i>Ứng trước tiền mua cổ phần/phần vốn góp</i>		
<i>Trong đó</i>		
- Công ty TNHH Du lịch sinh thái Cồn Bắp	46,170,000,006	46,170,000,006
- Công ty cổ phần thương mại dịch vụ Danh Việt	26,976,410,100	26,976,410,100
Cộng	73,146,410,106	73,146,410,106
7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC		
- Đặt cọc thuê tòa nhà Tungshing Square	105,676,032	105,676,032
- Tạm ứng	1,206,273,619	334,726,324
Cộng	1,311,949,651	440,402,356

8 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Trang thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2010	1,604,280,666	476,216,492	2,080,497,158
Tăng trong kỳ	-	15,257,636	15,257,636
Giảm trong kỳ	-	-	-
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2010	1,604,280,666	491,474,128	2,095,754,794
Giá trị hao mòn			
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2010	178,253,407	60,646,381	238,899,789
Khấu hao trong kỳ	66,845,028	39,737,838	106,582,865
Thanh lý nhượng bán	-	-	-
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2010	245,098,435	100,384,219	345,482,654
Giá trị còn lại của TSCĐ			
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2010	1,426,027,259	415,570,111	1,841,597,369
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2010	1,359,182,231	391,089,909	1,750,272,140

9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Tài sản cố định vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá		
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2010	95,691,587	95,691,587
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2010	95,691,587	95,691,587
Giá trị hao mòn		
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2010	15,948,598	15,948,598
Khấu hao trong kỳ	7,974,299	7,974,299
Thanh lý nhượng bán	-	-
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2010	23,922,897	23,922,897
Giá trị còn lại của TSCĐ		
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2010	79,742,989	79,742,989
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2010	71,768,690	71,768,690

10 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN	30/9/2010	30/6/2010
* Đầu tư vào công ty con	586,694,690,000	509,194,690,000
Công ty TNHH Hai Dung	204,742,800,000	204,742,800,000
Công ty CP DL Hồng Hải	304,451,890,000	304,451,890,000
Công ty CP Du lịch Tân Phú	76,500,000,000	
Công ty TNHH Một thành viên Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay	1,000,000,000	
* Đầu tư vào công ty liên kết		50,500,000,000
Công ty CP Du lịch Tân Phú		50,500,000,000
* Đầu tư dài hạn khác	32,845,124,994	29,845,124,994
Công ty TNHH DL Sinh thái Côn Bắp	17,759,999,994	14,759,999,994
Công ty CP TM DV Danh Việt	14,085,125,000	14,085,125,000
Công ty CP tuyển tập khách sạn Đông Dương	1,000,000,000	1,000,000,000
Cộng	619,539,814,994	589,539,814,994

* Ngày 22 tháng 7 năm 2010 Công ty CP Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay đã thực hiện mua 51% cổ phần của công ty CP Du lịch Tân Phú và chuyển công ty CP Du lịch Tân Phú từ công ty liên kết trở thành công ty con.

11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN	30/9/2010	30/6/2010
- Chi phí ra nhập RCI	964,990,125	1,052,716,500
Cộng	964,990,125	1,052,716,500

12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỢ NHÀ NƯỚC	30/9/2010	30/6/2010
- Thuế GTGT	6,842,908	89,751,997
- Thuế TNDN		1,173,031,735
- Thuế TNCN		25,000,000
Cộng	6,842,908	1,287,783,732

13 CHI PHÍ PHẢI TRẢ	30/9/2010	30/6/2010
- Các khoản phải trả khác	328,160,000	278,160,000
- Trích trước chi phí tư vấn phát hành cổ phiếu	510,000,000	510,000,000
Cộng	838,160,000	788,160,000

14 VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho giai đoạn kết thúc 30 tháng 6 năm 2010				
Số dư đầu kỳ	505,000,000,000		5,876,335,925	510,876,335,925
Tăng vốn	100,000,000,000	99,455,000,000		199,455,000,000
Lợi nhuận trong kỳ			150,797,076	150,797,076
Số dư cuối kỳ	605,000,000,000	99,455,000,000	6,027,133,001	710,482,133,001
Cho giai đoạn kết thúc 30 tháng 9 năm 2010				
Số dư đầu kỳ	605,000,000,000	99,455,000,000	6,027,133,001	710,482,133,001
Tăng vốn				-
Lợi nhuận trong kỳ			1,067,902,776	1,067,902,776
Số dư cuối kỳ	605,000,000,000	99,455,000,000	7,095,035,777	711,550,035,777

		<u>30/9/2010</u>	<u>30/6/2010</u>
14.2	Cổ phiếu		
	- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	60,500,000,000	60,500,000,000
	- Số lượng cổ phiếu phát ra công chúng		
	+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	60,500,000,000	60,500,000,000
	+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
	- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
	+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
	+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
	- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	60,500,000,000	60,500,000,000
	+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	60,500,000,000	60,500,000,000
	+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
15	VAY NGẮN HẠN	<u>30/9/2010</u>	<u>30/6/2010</u>
	Vay cá nhân khác	1,015,500,000	
	Cộng	<u>1,015,500,000</u>	<u>-</u>
16	PHẢI TRẢ NỘI BỘ	<u>30/9/2010</u>	<u>30/6/2010</u>
	Phải trả tiền bán thẻ hội viên cho công ty thẻ	1,033,586,440	
	Cộng	<u>1,033,586,440</u>	<u>-</u>

Thông tin bổ sung trên bảng báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh			
15	TỔNG DOANH THU	Cho giai đoạn 3	Cho giai đoạn 3
		tháng kết thúc 30 tháng 9 năm 2010	tháng kết thúc 30 tháng 9 năm 2009
		510,000,000	44,032,390,821
15.1	Doanh thu hàng hóa		44,032,390,821
15.1	Doanh thu cung cấp dịch vụ	510,000,000	
	Doanh thu thuần từ hàng hóa và cung cấp dịch vụ	510,000,000	44,032,390,821
15.2	Doanh thu hoạt động tài chính	Cho giai đoạn 3 tháng kết thúc 30 tháng 9 năm 2010	Cho giai đoạn 3 tháng kết thúc 30 tháng 9 năm 2009
	Lãi tiền gửi, tiền cho vay	303,305,307	226,489,768
	Lợi nhuận từ công ty con chuyển về	2,573,382,683	
	Cộng	2,876,687,990	226,489,768
16	GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Cho giai đoạn 3 tháng kết thúc 30 tháng 9 năm 2010	Cho giai đoạn 3 tháng kết thúc 30 tháng 9 năm 2009
	Giá vốn hàng bán	-	43,568,135,656
	Cộng	-	43,568,135,656
17	CHI PHÍ TÀI CHÍNH	Cho giai đoạn 3 tháng kết thúc 30 tháng 9 năm 2010	Cho giai đoạn 3 tháng kết thúc 30 tháng 9 năm 2009
	Chi phí lãi vay	10,410,960	-
	Chi phí tài chính khác	5,397,038	2,227,970
	Cộng	15,807,998	2,227,970
18	CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ	Cho giai đoạn 3 tháng kết thúc 30 tháng 9 năm 2010	Cho giai đoạn 3 tháng kết thúc 30 tháng 9 năm 2009
	Chi phí nhân công	1,073,488,884	
	Chi phí khấu hao tài sản cố định	185,802,721	
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	248,732,467	
	Chi phí khác	794,953,144	299,988,062
	Cộng	2,302,977,216	299,988,062

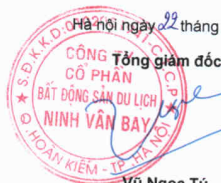
*Doanh thu quý III năm 2009 tăng mạnh so với quý III năm 2010 là do công ty đã thành công trong việc buôn bán thương mại về kim loại với các đối tác trong nước.

Hà Nội ngày 22 tháng 10 năm 2010

Kế toán trưởng



Ngô thị thanh Hải



Tổng giám đốc
 Vũ Ngọc Tú